

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TẠI ĐÀ NẴNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HC-PT

Ngày: 18-01-2025

V/v: “ *Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai* ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Cường

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Quốc Cường

Ông Nguyễn Văn Tào

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 383/2024/TLPT-HC ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 190/2024/HC-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

\* **Người khởi kiện:** Ông Đỗ Công T – sinh năm: 1978

Nơi thường trú: **Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

Tạm trú: **Số 125 A, Quốc lộ B, buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.**

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Anh T1**

Địa chỉ: **Số F, liên gia C, buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.**

\* **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T2 – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, vắng mặt không có lý do.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố B:**

Ông Trương Văn C – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Võ Quang H1 – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại bản tự khai đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Đỗ Anh T1 trình bày:**

Thửa đất số: 18, Tờ bản đồ số: 17, Diện tích: 1.324,6m<sup>2</sup> có nguồn gốc đất vào năm 1990 ông Quách D nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với nông trường cà phê V (nay là Công ty C1). Năm 2002 ông D chuyển một phần diện tích cho ông Đỗ Công T. Ông Đỗ Công T đã sử dụng canh tác trên đất sử dụng ổn định và không có tranh chấp với ai. Năm 2003 ông Đỗ Công T xây 1 căn nhà ở ổn định từ năm 2003 cho đến năm 2021.

Ngày 06/3/2008 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty C1 tại xã H giao cho UBND thành phố B quản lý, sau đó UBND thành phố B thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn A, xã H, Tp ..

Ngày 28/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 6870/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và đã thu hồi toàn bộ thửa đất số: 18, Tờ bản đồ số: 17.

Sau khi UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt số 6870/QĐ-UBND ông Đỗ Công T đã nhiều lần kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét

bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% giá trị diện tích đất thu hồi theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định khi sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm; hỗ trợ đời sống sản xuất và hỗ trợ khác là giao cho gia đình ông T 1 suất tái định cư không qua đấu giá; đưa tài sản là cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có Quyết định số: 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đ để tính toán bồi thường cho hộ gia đình ông Đỗ Công T.

Tháng 11/2023 ông Đỗ Công T nhận được Quyết định số: 3218/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đối với thửa đất số: 18, Tờ bản đồ số: 17, Diện tích đất 1.324,6m<sup>2</sup>, điều chỉnh thành thửa 17, tờ bản đồ số 17, diện tích 1063,9 m<sup>2</sup> nhưng không thực hiện bổ sung bồi thường hỗ trợ khác cho ông T làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

Căn cứ điều 9 và Mục 2, 3 khoản 9 điều 1 sửa đổi bổ sung điều 23 Quyết định số: 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; điều 16, điều 17, điều 18 Quyết định số: 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; Mục 1 và Mục 3, 4 của Công văn số: 10997/UBND-NNMT ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; điều 5 và khoản 1 điều 6 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Tuyên hủy một phần Quyết định số: 3218/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư T, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Hủy một phần Quyết định số: 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung phần bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% giá trị diện tích đất thu hồi theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định và hỗ trợ 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định khi sử dụng đất trước ngày 15/10/1993; hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định; hỗ trợ đào

tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ đời sống và sản xuất; đưa tài sản là cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có Quyết định số: 530/QĐ-UBND tỉnh Đ để tính toán bồi thường cho hộ gia đình Đỗ Công T; giao 1 thửa đất làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất cho ông Đỗ Công T theo đúng quy định của pháp luật.

**Tại bản tự khai ông Lê Đại T2 – đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B trình bày:**

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND, ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk Về việc thu hồi 27,809ha đất của Công ty C1 tại xã H, thành phố B giao cho thành phố B quản lý.

Ngày 29/08/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5041/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư T, xã H, thành phố B; Quyết định số 7105/QĐ- UBND, ngày 27/11/2018 của UBND thành phố B về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B.

Ngày 01/11/2019, UBND thành phố B tổ chức họp thông báo chủ trương, chính sách của Nhà nước khi triển khai dự án để các hộ dân trong phạm vi thu hồi được biết và đề nghị các hộ phối hợp trong công tác đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư T, xã H, thành phố B Thuột.

Ngày 28/9/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6870/QĐ-UBND và ngày 12/6/2023 UBND thành phố B ban hành quyết định số 3218/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Về nguồn gốc đất: Năm 1990 ông Quách D nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1). Đến năm 2002 sang nhượng lại một phần diện tích đất cho ông Đỗ Công T. Ngày 06/3/2008 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại UBND thành phố quản lý, trong đó có 10,1ha đất hiện nay Ủy ban thành phố đang quản lý. Ông T sử dụng cho đến nay. Hiện nay UBND thành phố thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn A, xã H, thành phố B. Diện tích thu hồi 1063,9m<sup>2</sup>. Thời điểm sử dụng đất năm 1990.

\* Về đất: Căn cứ khoản 2, điều 82, Luật Đất đai 2013: Đất được Nhà nước giao để quản lý. Do đó, diện tích đất nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1) thu hồi không đủ điều kiện bồi thường về đất.

\* Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại ; Ngày 06/3/2008 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ- UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H. Trường hợp thu hồi đất của tổ chức sử dụng đất quy định tại điều 65 luật đất đai năm 2013, không phải trường hợp thu hồi đất vì mục đích Quốc phòng, dân sinh xã hội theo quy định tại các điều 61,62 Luật đất đai 2013, do đó hộ ông Đỗ Công T không đủ cơ sở xem xét bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại là đúng quy định.

\* Hỗ trợ tiền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Căn cứ điểm 2, khoản 9, điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND “Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo định của Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất”.

Tuy nhiên hộ ông Đỗ Công T không trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo khoản 30, điều 3 Luật đất đai “Hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp; nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó” nên không đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định.

\* Hỗ trợ 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại: Căn cứ điều 1, Quyết định số 27/2019 của UBND tỉnh Đ sửa đổi bổ sung khoản 3, điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ Quy định hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp nhưng trong hộ có nhân khẩu được hưởng trợ cấp thì được hỗ trợ. Như vậy, hộ ông T không thuộc trường hợp trên nên không đủ điều kiện để hỗ trợ.

\*Về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Căn cứ điều 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ: Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 1 điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP trong trường hợp được bồi thường bằng tiền do không có đất để bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Tuy nhiên hộ ông T sang nhượng lại đất Hợp đồng của Công ty C1 đã hết hạn Hợp đồng và đã có Quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đ nên không điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

\*Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Căn cứ điều 17 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ: Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại các Điểm a, b, c và d khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống. Căn cứ khoản 5 điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP”: Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất. Tuy nhiên hộ ông T không có Hợp đồng nhận khoán và đã có Quyết định thu hồi đất số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đ, mà do chiếm đất nên không đủ điều kiện hỗ trợ ổn định sản xuất.

\*Về giao 01 suất đất tái định cư: Hộ ông Đỗ Công T nhận chuyển nhượng đất nhận khoán không đủ quy định), không có Hợp đồng nhận khoán nên không đủ điều kiện để giao 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất theo khoản 3, điều 1 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 sửa đổi bổ sung điều 6, Quyết định 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ.

\* Đối với bồi thường về cây trồng. Căn cứ khoản 2, điều 92, Luật đất đai 2013: *Tài sản gắn liền với được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì không được bồi thường.* Số cây chưa được bồi thường, hỗ trợ ông Đỗ Công T trồng sau thời điểm thu hồi đất nên không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Như vậy, việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ ông Đỗ Công T là đúng theo quy định của pháp luật.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 190/2024/HC-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các điều 65, 83, 92 Luật Đất đai 2013; Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Công T**, hủy một phần Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất và một phần Quyết định số: 3218/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 về việc phê duyệt phương án Điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.324,6m<sup>2</sup>, Điều chỉnh thành thửa 17, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.063,9 m<sup>2</sup> của ông **Đỗ Công T**. Buộc **UBND thành phố B** ban hành lại phương án phê duyệt xem xét hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, bổ sung đối với các loại cây trồng được tạo dựng trước ngày 01/11/2019 và giao thửa đất làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất cho ông **Đỗ Công T**.

2. Bác yêu cầu của ông **T** về việc yêu cầu bổ sung phần bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% giá trị diện tích đất thu hồi theo bảng giá đất do **UBND tỉnh Đ** quy định; hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do **UBND tỉnh Đ** quy định; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho ông **Đỗ Công T**.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2024, ông **Đỗ Công T** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu bổ sung phần bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10%; hỗ trợ hai lần giá đất nông nghiệp cùng loại; hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm, hỗ trợ sản xuất và đời sống.

Ngày 10/10/2024, **UBND thành phố B** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông **T**, vì ông **T** không thuộc hộ gia đình cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nêu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên toà và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Đây là phiên toà phúc thẩm lần hai, người bị kiện **UBND thành phố B** có kháng cáo nhưng vắng mặt mặc dù đã có chứng cứ tổng đạt hợp lệ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính, đối với kháng cáo của **UBND thành phố B**.

Đối với kháng cáo của người khởi kiện không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà và xem xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:*

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, đại diện UBND thành phố **Buôn Ma T3** là người bị kiện vắng mặt tại phiên toà, không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ và đây là phiên toà phúc thẩm lần hai. Do đó, Toà án căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của **UBND thành phố B**. (Toà án có nhận được đơn đề nghị xét xử vắng mặt do ông **Lê Đại T2** ký nhưng đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên toà ngày 28/12/2024).

[2] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, ông **Đỗ Anh T1** là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông **Đỗ Công T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử đối với kháng cáo của người khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu bổ sung chi phí đầu tư vào đất còn lại 10%; hỗ trợ hai lần giá đất nông nghiệp còn lại; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ sản xuất đời sống. Xét kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Đối với yêu cầu về chi phí đầu tư vào đất:

Về Nguồn gốc đất: Các đương sự đều thừa nhận năm 1990 ông **Quách D** nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với **Nông trường cà phê V** (nay là **Công ty C1**). Đến năm 2002 sang nhượng lại một phần diện tích đất cho ông **Đỗ Công T**, ông **T** sử dụng đất cho đến khi bị thu hồi và bàn giao mặt bằng. Khi sang nhượng các bên chỉ có giấy viết tay và không được sự đồng ý của Công ty khi chuyển nhượng. Ngày 06/3/2008 **UBND tỉnh Đ** ban hành



Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H giao lại UBND thành phố quản lý, trong đó diện tích đất ông T nhận sang nhượng của ông D. Hiện nay UBND thành phố thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư thôn A, xã H, thành phố B, trong đó có diện tích đất của ông T nhận sang nhượng từ ông Quách D.

Như vậy, diện tích đất ông T nhận sang nhượng lại của ông Quách D là đất nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty C1) nên khi đất bị thu hồi thì không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại khoản 2, điều 82, Luật Đất đai.

Ngày 06/3/2008, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 530/QĐ- UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty C1 tại xã H. Đây là trường hợp thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật quy định tại khoản 1 điều 65 của Luật đất đai.

Khoản 2, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ bổ sung khoản 5 điều 18a của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP15 tháng 5 năm 2014 như sau:

“....

5. Khi Nhà nước thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật quy định tại khoản 1 điều 65 của Luật đất đai thì tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp, chi phí đầu tư vào đất còn lại được xử lý như sau:

a) Không được trả lại tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này;

b) Không được trả lại chi phí đầu tư vào đất còn lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này”

Do đó, UBND thành phố không xem xét bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại cho ông T là đúng quy định”.

[3.2] Về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất:

Căn cứ điểm b khoản 2 điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và khoản 5 điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP” quy định: “Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất”. Tuy nhiên, ông T nhận sang nhượng của

ông **D** bằng hợp đồng viết tay, không được sự đồng ý của công ty và cũng không ký hợp đồng giao khoán với Công ty nên không đủ điều kiện hỗ trợ ổn định sản xuất.

[3.3] Về yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Căn cứ khoản 1 điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và khoản 6 điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 20 như sau: “1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm ...”

Mặc dù ông **T** không phải là cán bộ công nhân viên của Công ty đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp nhưng ông **T** không phải cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán với Công ty nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

[3.4] Đối với yêu cầu hỗ trợ 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại: Căn cứ điểm 3 khoản 9 điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh **Đ** quy định: “Hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp đang sử dụng đất do nhận giao khoán tại thời điểm thu hồi đất mà đang hưởng lương hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp ...”. Như vậy, ông **T** không ký hợp đồng giao khoán, không phải cán bộ, công nhân viên của Công ty **C1** nên không đủ điều kiện được hỗ trợ.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Công T**, hủy một phần Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất và một phần Quyết định số: 3218/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 về việc phê duyệt phương án Điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.324,6m<sup>2</sup>, Điều chỉnh thành thửa 17, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.063,9 m<sup>2</sup> của ông **Đỗ Công T**. Buộc UBND thành phố **B** ban hành lại phương án phê duyệt xem xét hỗ trợ như Bản án sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở nên

không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm hành chính:

Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên ông **Đỗ Công T** phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Kháng cáo bị đình chỉ xét xử phúc thẩm nên **UBND thành phố B** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người bị kiện **UBND thành phố B**, tỉnh Đắk Lắk. Bản án hành chính sơ thẩm số 190/2024/HC-ST ngày 20/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực pháp luật thi hành.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của ông **Đỗ Công T**, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các điều 65, 83, 92 Luật Đất đai 2013; Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;

Căn cứ khoản Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Công T**, hủy một phần Quyết định số 6870/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất và một phần Quyết định số: 3218/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 về việc phê duyệt phương án Điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.324,6m<sup>2</sup>, Điều chỉnh thành thửa 17, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.063,9 m<sup>2</sup> của ông **Đỗ Công T**. Buộc **UBND thành phố B** ban hành lại

phương án phê duyệt xem xét hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, bổ sung đối với các loại cây trồng được tạo dựng trước ngày 01/11/2019 và giao thửa đất làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất cho ông **Đỗ Công T**.

2. Bác yêu cầu của ông **T** về việc yêu cầu bổ sung phần bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% giá trị diện tích đất thu hồi theo bảng giá đất do **UBND tỉnh Đ** quy định; hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do **UBND tỉnh Đ** quy định; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho ông **Đỗ Công T**.

3. Về án phí phúc thẩm hành chính:

Ông **Đỗ Công T** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp thay theo biên lai thu số 0012122 ngày 16/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, do **Đỗ Thị Đ** nộp thay **Đỗ Công T**.

**Ủy ban nhân dân thành phố B** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0014133 ngày 22/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk do **UBND thành phố B** nộp (do **Nguyễn Thị N** nộp thay).

Các quyết định khắc của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Nguyễn Cường**

